|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****ĐỀ ÔN TẬP SỐ : 24** | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2023****Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI****Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút; không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh :**.............................................................................. **Số báo danh:** ....................

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

 *(Đơn vị: triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Giá trị** | **2015** | **2018** | **2019** | **2020** |
| Xuất khẩu | 11432,0 | 16704,0 | 18110,0 | 16806,0 |
| Nhập khẩu | 16844,0 | 19355,0 | 18607,0 | 17947,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết Mi-an-ma nhập siêu lớn nhất vào năm nào sau đây?

**A.** Năm 2015. **B.** Năm 20018. **C.** Năm 2019. **D.** Năm 2020.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa nhỏ nhất?

 **A.** Tháng II. **B.** Tháng I. **C.** Tháng XI. **D.** Tháng XII.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biếttrung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

**A.** Nam Định. **B.** Hạ Long. **C.** Hải Dương. **D.** Hà Nội.

**Câu 44:** Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ

**Câu 45:** Cho biểu đồ.



SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, năm 2019 so với năm 2010?

 **A**. Dầu thô tăng, điện giảm nhanh. **B**. Dầu thô giảm liên tục, điện tăng.

 **C**. Điện tăng liên tục, dầu tăng lên. **D**. Điện tăng nhanh, dầu thô giảm.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc tỉnh Hà Tĩnh?

 **A.** Nghi Sơn **B.** Chu Lai **C.** Định An. **D.** Vũng Áng.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Mía. **B.** Dừa. **C.** Cao su. **D.** Chè.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sôngHồng?

 **A.** Sông Mã. **B.** Sông Đà. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Chu.

**Câu 49:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** tương đối đa dạng. **B.** chỉ có chế biến.

 **C.** chỉ có khai khoáng. **D.** có ít ngành.

.**Câu 50:** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

 **A.** Cao su. **B.** Chè. **C.** Cà phê. **D.** Dừa.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

**A.** Đắc Lắk. **B.** Gia Lai. **C.** Kon Tum. **D.** Lâm Đồng.

.**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Thanh Hoá. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Nghệ An. **D.** Quảng Bình.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

 **A.** Bắc Kạn. **B.** Hà Giang. **C.** Lào Cai. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Đồng Tháp. **B.** Cần Thơ. **C.** An Giang. **D.** Cà Mau.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Giang. **B.** Yên Bái. **C.** Điện Biên. **D.** Lai Châu.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp cơ khí có ở trung tâm nào sau đây?

 **A**. Cẩm Phả. **B**. Nha Trang. **C**. Sóc Trăng. **D**. Phan Thiết.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thi ̣nào sau đây là đô thị ̣đặc biệt?

 **A.** Hải Phòng. **B.** Cần Thơ. **C.** Hà Nội. **D.** Đà Nẵng

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trangHành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

**A.** Phú Thọ. **B.** Lai Châu. **C.** Yên Bái. **D.** SơnLa.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, đỉnh núi nào sau đây **không** thuộc vùng núi Đông Bắc?

 **A.** Phu Luông. **B.** Kiều Liêu Ti. **C.** Tây Côn Lĩnh. **D.** Pu Tha Ca.

**Câu 60 :** Tính đa dạng sinh học cao thể hiện ở

 **A.** sự phân bố sinh vật. **B.** sự phát triển của sinh vật.

 **C.** diện tích rừng lớn. **D.** nguồn gen quý hiếm.

**Câu 61:** Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

 **A.** ngập lụt. **B.** lũ quét. **C.** động đất. **D.** sóng thần.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trangNông nghiệp, cho biết cây điều được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

 **A.** Trà Vinh. **B.** Ninh Thuận. **C.** Phú Yên. **D.** Bình Phước

 **Câu 63:** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay

 **A.** chủ yếu dựa vào đồng cỏ tự nhiên. **B.** chủ yếu lấy sức kéo cho nông nghiệp.

 **C.** Đàn bò có xu hướng giảm mạnh. **D.** tăng cường chăn nuôi dê, cừu lấy sữa.

**Câu 64:** Điều kiện thuận lợi đối với nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là

 **A.** có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. **B.** khí hậu và thời tiết ổn định, ít thiên tai.

 **C.** có nhiều bãi triều, cánh rừng ngập mặn. **D.** có các ngư trường lớn ở ngoài khơi xa.

**Câu 65:** Cơ cấu ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** giảm tỉ trọng chế biến, sản phẩm chất lượng cao.

 **B.** tăng tỉ trọng khai thác, sản phẩm trung bình.

 **C.** đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.

 **D.** chuyên môn hóa sản phẩm, cạnh tranh về giá.

**Câu 66:** Nguồn lao động của nước ta hiện nay

 **A.** chất lượng lao động ngày càng được nâng cao. **B.** đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề đủ.

 **C.** nguồn lao động đông và xu hướng giảm. **D.** lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo.

**Câu 67:** Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

 **A.** phong phú, giàu thành phần loài. **B.** tập trung chủ yếu ở vùng ven bờ.

 **C.** phân bố ở các cửa sông, vịnh biển. **D.** phân bố ở các đảo lớn ngoài khơi.

**Câu 68:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

 **A.** vị trí trong vùng nội chí tuyến. **B.** địa hình nước ta nhiều đồi núi.

 **C.** địa hình nước ta thấp dần ra biển. **D.** hoạt động của gió phơn Tây Nam.

**Câu 69:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ trình độ đô thị hóa của nước ta còn thấp?

 **A.** Xuất hiện nhiều đô thị mới. **B.** Mức sống dân cư được cải thiện.

 **C.** Cơ sở hạ tầng còn lạc hậu. **D.** Địa giới các đô thị được mở rộng.

**Câu 70:** Điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển nước ta là

 **A.** có nhiều cảng nước sâu và cụm cảng quan trọng.

 **B.** đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

 **C.** khối lượng hàng hóa luân chuyển tương đối lớn.

 **D.** các tuyến đường ven bờ chủ yếu hướng bắc - nam.

**Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** thay đổi cơ cấu kinh tế, cuộc sống nâng cao và bảo đảm về an ninh quốc phòng.

**B.** thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển và đa dạng hóa hàng để xuất khẩu.

**C.** thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế kinh tế của vùng và giải quyết việc làm.

**D.** thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, giải quyết việc làm cho người lao động.

**Câu 72:** Nước ta cần đẩy mạnh hoạt động nội thương chủ yếu nhằm

**A.** thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

**B.** tạo tập quán tiêu dùng mới, tăng doanh thu ngành dịch vụ.

**C.** cân bằng xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, khai thác tiềm năng từng vùng.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích lúa của nước ta, giai đoạn 2005 - 2021:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Tốc độ tăng trưởng của diện tích lúa các mùa vụ.

**B.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng.

**C.** Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ.

 **D.** Chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ

**Câu 74:** Công nghiệp chế biến ở Tây Nguyên đang được đẩy mạnh phát triển chủ yếu nhờ

**A.** nền nông nghiệp hàng hóa của vùng đang phát triển đi lên.

**B.** việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường.

**C.** điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên dồi dào.

**D.** việc nâng cao chất lượng lao động từ các vùng khác đến đây.

**Câu 75:** Các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

 **A**. Tạo thế mở cửa hơn nữa, thay đổi phân bố dân cư, giải quyết vấn đề việc làm.

 **B**. phát huy thế mạnh biển, đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.

 **C.** phát triển tổng hợp kinh tế biển, thay đổi bộ mặt nhiều địa phương ven biển.

 **D**. Tăng năng lực vận chuyển, thu hút vốn đầu tư, hình thành khu công nghiệp.

**Câu 76:** Việc sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu nhằm mục đích

 **A.** giảm ảnh hưởng nặng nề của các loại thiên tai gia tăng.

 **B.** chống biến đổi khí hậu, tăng diện tích rừng đầu nguồn.

 **C.** phân hóa lãnh thổ sản xuất, thu hút vốn và tạo việc làm.

 **D.** khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao vị thế của vùng.

**Câu 77:** Các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng phát triển dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cơ sở hạ tầng hiện đại và nguồn lao động chất lượng cao nhất.

**B.** Nguồn tài nguyên, nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn.

**C.** Mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài.

**D.** Những nền tảng phát triển công nghiệp từ các giai đoạn trước.

**Câu 78:** Mục đích chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

 **A**. tạo ra cơ cấu ngành, khai thác tốt hơn các thế mạnh, tạo nhiều hàng hóa.

 **B**. tạo sự liên kết các lãnh thổ với nhau, phát triển nhiều thành phần kinh tế.

 **C**. phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển các vùng, đổi mới sản xuất.

 **D**. phát triển cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu thành phần kinh tế, phân bố lại dân cư

**Câu 79:** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa đông có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do tác động của

 **A.** hoạt động của frông, gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung.

 **B.** gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và Tín phong bán cầu Bắc.

 **C.** vùng đồi núi rộng, hoạt động của frông và Tín phong bán cầu Bắc.

 **D.** gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN, PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2015-2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Đường sắt** | **Đường bộ** | **Đường sông hồ** | **Đường biển** | **Đường hàng không** |
| 2015 | 1151895,7 | 6707,0 | 882628,4 | 201530,7 | 60800,2 | 229,6 |
| 2017 | 1383212,9 | 5611,0 | 1074450,9 | 232813,8 | 70019,2 | 3177,9 |
| 2020 | 1627713,0 | 5216,3 | 1307877,1 | 244708,2 | 69639,0 | 272,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta năm 2017 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Miền. **C.** Tròn. **D.** Đường

**----------HẾT----------**

 - *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.*

 - *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*.